

T T (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung / đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm (12)	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL		
1	Biểu thức đại số	Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến	4									10% 1.0đ
		Hằng đẳng thức đáng nhớ.			2							5% 0,5đ
		Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số.			2	1		1				35% 3,5 đ
2	Hàm số và đồ thị	Hàm số và đồ thị	4									10% 1,0 đ
		Hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$) và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$).								1		10% 1,0 đ
3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều.	2									5% 0,5đ
4	Định lí Pythagore	Định lí Pythagore.										
5	Tứ giác	Tứ giác.	2									5% 0,5đ
		Tính chất và dấu hiệu nhậnbiết các tứ giác đặc biệt .	4			1						20% 2,0 đ
Tổng			16 4đ		4 1đ	2 2đ		1 2đ		1 1đ		24 10,0 đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%			100 %
Tỉ lệ chung			70%				30%					100 %

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Biểu thức đại số	Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến	Nhận biết: Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến. (C1;2;3;4)	4 (TN)			
			Thông hiểu: Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến.				
			Vận dụng: Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức. Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức. – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản. – Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản.				
		Hằng đẳng thức đáng nhớ	Nhận biết: Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức				
			Thông hiểu: Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương. (C5;C6)		2 (TN)		
			Vận dụng: Vận dụng được các hằng đẳng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng: vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức. Vận dụng hằng đẳng thức thông qua nhóm hạng tử và đặt nhân tử chung.				
		Phân thức đại số. Tính chất cơ bản của	Nhận biết: – Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau.	2 (TN)			
			Thông hiểu: – Mô tả được những tính chất cơ bản		2 (TN)		

		phân thức đại số. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các phân thức đại số	của phân thức đại số (C7;8); (C21)		1 (TL)		
			Vận dụng: – Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số. Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân thức đại số đơn giản trong tính toán. (C22)			1 (TL)	
2	Hàm số và đồ thị	Hàm số và đồ thị	Nhận biết: – Nhận biết được những mô hình thực tế dẫn đến khái niệm hàm số. – Nhận biết được đồ thị hàm số. (C9;10;11;12)	4 (TN)			
			Thông hiểu: – Tính được giá trị của hàm số khi hàm số đó xác định bởi công thức. Xác định được tọa độ của một điểm trên mặt phẳng tọa độ; Xác định được một điểm trên mặt phẳng tọa độ khi biết tọa độ của nó.				
		Hàm số bậc nhất $y = ax + b$, ($a \neq 0$) và đồ thị. Hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$, ($a \neq 0$).	Nhận biết: Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$).				
			Thông hiểu: – Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$). – Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước.				
			Vận dụng: – Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$). – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).				
			Vận dụng cao: – Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) thuộc có nội dung thực tiễn. (C24)				1 (TL)

3	Các hình khối trong thực tiễn	Hình chóp tam giác đều, hình chóp tứ giác đều	Nhận biết: Mô tả (đỉnh, mặt đáy, mặt bên, cạnh bên) được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. (C13a,b)	1/2 (TN)			
			Thông hiểu: – Tạo lập được hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. Tính được diện tích xung quanh, thể tích của một hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều,...).				
			Vận dụng: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều và hình chóp tứ giác đều.				
3	Định lí Pythagore	Định lí Pythagore	Thông hiểu: Giải thích được định lí Pythagore.				
			Vận dụng: Tính được độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore.				
			Vận dụng cao: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng định lí Pythagore (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).				
4	Tứ giác	Tứ giác	Nhận biết: Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi. (C13c,d)	1/2 (TN)			
			Thông hiểu: Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360° .				

		Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt	Nhận biết: – Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân). – Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành). – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật). – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi). – Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông (ví dụ: hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông). (C14)	1 (TN)			
			Thông hiểu: – Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân. – Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành. – Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật. – Giải thích được tính chất về đường chéo của hình thoi. (C23) – Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông.	1 (TL)			

Người ra đề

Duyệt của tổ CM

Duyệt của nhà trường

Đồng Thị Hà

Đào Thị Minh Tuyền

Người phản biện đề

Nguyễn Việt Hà

Cung Thị Phương Lan

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ GỐC

Đề có 24 câu, in trong 02 trang

I/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng từ câu 1 đến câu 12. (3,0 điểm)

Câu 1. Đơn thức đã được thu gọn?

- A. $-5xyzx$ B. $-6x^2y.x$ C. $-10xy$ D. $-2zxzy.y$

Câu 2. Bậc của đa thức $-3xyz^2 + 2xyz - 4x^2$ là

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 9

Câu 3. Hệ số của đơn thức $-xy3z^2$ là

- A. 2 B. 6 C. 1 D. -1

Câu 4. Phân biến của $-5xyz^2$ là

- A. xyz B. xyz^2 C. $-xyz^2$ D. $-2xyz^2$

Câu 5. Khai triển $9x^2 - 25y^2$ ta được

- A. $(3x+5y)(3x+5y)$ B. $(3x-25y)(3x+25y)$
C. $(3x-5y)(3x+5y)$ D. $(9x-5y)^2$

Câu 6. Viết biểu thức $(x-3y)(x^2+3xy+9y^2)$ dưới dạng hiệu hai lập phương, ta được kết quả là

- A. $x^3+(3y)^3$ B. $x^3+(9y)^3$ C. $x^3-(3y)^3$ D. $x^3-(9y)^3$

Câu 7. Với đa thức $B \neq 0$, ta có

- A. $\frac{A}{B} = \frac{A-M}{B-M}$ (với M khác đa thức 0)
B. $\frac{A}{B} = \frac{A:N}{B:N}$ (với N là một nhân tử chung của A, B và $N \neq 0$).
C. $\frac{A}{B} = \frac{A}{-B}$
D. $\frac{A}{B} = \frac{A+M}{B+M}$ (với M khác đa thức 0).

Câu 8. Phân thức $\frac{2}{x+1}$ bằng với phân thức nào dưới đây

- A. $\frac{-6}{-3x-3}$ B. $\frac{6}{-3x-3}$ C. $\frac{-6}{-3x+3}$ D. $\frac{6}{3x-3}$

Câu 9. Hàm số $y = ax + b$ là hàm số bậc nhất khi

- A. $a = 0$ B. $a < 0$ C. $a > 0$ D. $a \neq 0$

Câu 10. Hàm số nào dưới đây là hàm số bậc nhất ?

- A. $y = 0x + 1$ B. $y = 2x + 1$ C. $y = 2$ D. $y = 1$

Câu 11. Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị thì y gọi là

- A. hàm hằng B. hàm số của x
C. hàm số của y D. hàm số của x và y

Câu 12. Cho hàm số $y = 3x - 1$, tại $x = 1$ thì giá trị của y là

- A. 4 B. 3 C. 1 D. 2

Câu 13. Em hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô trống tương ứng trong bảng sau: (1,0 điểm)

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.		
c)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		
d)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0		

Câu 14. Điền cụm từ sau vào chỗ trống (.....) để được khẳng định đúng. (1,0 điểm)

hình chữ nhật	hình vuông	hình thoi	hình thang cân	hình bình hành
---------------	------------	-----------	----------------	----------------

- a) Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là
b) Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là
c) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là
d) Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là

.II. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 21: (1,0 điểm) Thực hiện các phép tính sau:

a) $\frac{5x-3}{7} + \frac{2x+3}{7}$ b) $\frac{1}{x-1} - \frac{1}{x+2}$

Câu 22: (2,0 điểm)

a) Thực hiện phép chia sau: $\frac{x^2-25}{3x+12} : \frac{5-x}{x+4}$

b) $A = \left(\frac{1}{x-1} + \frac{1}{x+1}\right)\left(x - \frac{1}{x}\right)$. Chứng minh giá trị của biểu thức A không phụ thuộc vào biến.

Câu 23: (1,0 điểm) Cho tam giác ABC cân tại A có M là trung điểm BC. Trên tia đối của tia MA lấy điểm N sao cho $MN = MA$.

- a) Vẽ hình.
b) Chứng minh tứ giác ABNC là hình thoi.

Câu 24: (1,0 điểm)

Cho đường thẳng $d: y = (m - 2)x + 2$ với $m \neq 2$. Tìm giá trị của m để đường thẳng d cùng với các trục Ox, Oy tạo thành tam giác có diện tích bằng 2.

-----HẾT-----

(Chúc các em làm bài đạt kết quả cao!)

II. TỰ LUẬN (5,0 điểm) Thời gian làm bài 45 phút**Câu 21: (1,0 điểm)** Thực hiện các phép tính sau:

a) $\frac{5x-3}{7} + \frac{2x+3}{7}$

b) $\frac{1}{x-1} - \frac{1}{x+2}$

Câu 22: (2,0 điểm)a) Thực hiện phép chia sau: $\frac{x^2-25}{3x+12} : \frac{5-x}{x+4}$ b) $A = \left(\frac{1}{x-1} + \frac{1}{x+1}\right)\left(x - \frac{1}{x}\right)$. Chứng minh giá trị của biểu thức A không phụ thuộc vào biến.**Câu 23: (1,0 điểm)** Cho tam giác ABC cân tại A có M là trung điểm BC. Trên tia đối của tia MA lấy điểm N sao cho MN = MA.

a) Vẽ hình.

b) Chứng minh tứ giác ABNC là hình thoi.

Câu 24: (1,0 điểm)Cho đường thẳng d: $y = (m - 2)x + 2$ với $m \neq 2$. Tìm giá trị của m để đường thẳng d cùng với các trục Ox, Oy tạo thành tam giác có diện tích bằng 2.

-----HẾT-----

(Chúc các em làm bài đạt kết quả cao!)

ĐỀ 01

(Đề có 14 câu, in trong 02 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm): Thời gian làm bài 45 phút

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng từ câu 1 đến câu 12. (3,0 điểm)

Câu 1. Bậc của đa thức $-3xyz^2 + 2xyz - 4x^2$ là

- A. 9 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 2. Đâu là đơn thức đã được thu gọn?

- A. $-2zxzy.y$ B. $-5xyzx$ C. $-6x^2y.x$ D. $-10xy$

Câu 3. Phần biến của $-5xyz^2$ là

- A. xyz^2 B. $-2xyz^2$ C. xyz D. $-xyz^2$

Câu 4. Hệ số của đơn thức $-xy^3z^2$ là

- A. 6 B. 2 C. -1 D. 1

Câu 5. Hàm số $y = ax + b$ là hàm số bậc nhất khi

- A. $a < 0$ B. $a \neq 0$ C. $a = 0$ D. $a > 0$

Câu 6. Cho hàm số $y = 3x - 1$, tại $x = 1$ thì giá trị của y là

- A. 2 B. 1 C. 3 D. 4

Câu 7. Khai triển $9x^2 - 25y^2$ ta được

- A. $(3x-5y)(3x+5y)$ B. $(3x-25y)(3x+25y)$ C. $(9x-5y)^2$ D. $(3x+5y)(3x+5y)$

Câu 8. Viết biểu thức $(x-3y)(x^2+3xy+9y^2)$ dưới dạng hiệu hai lập phương, ta được kết quả là

- A. $x^3 - (9y)^3$ B. $x^3 + (9y)^3$ C. $x^3 - (3y)^3$ D. $x^3 + (3y)^3$

Câu 9. Phân thức $\frac{2}{x+1}$ bằng với phân thức nào dưới đây

- A. $\frac{-6}{-3x-3}$ B. $\frac{6}{-3x-3}$ C. $\frac{-6}{-3x+3}$ D. $\frac{6}{3x-3}$

Câu 10. Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị thì y gọi là

- A. hàm hằng B. hàm số của x C. hàm số của y D. hàm số của x và y

Câu 11. Với đa thức $B \neq 0$, ta có

- A. $\frac{A}{B} = \frac{A:N}{B:N}$ (với N là một nhân tử chung của A , B và $N \neq 0$).

- B. $\frac{A}{B} = \frac{A-M}{B-M}$ (với M khác đa thức 0)

- C. $\frac{A}{B} = \frac{A+M}{B+M}$ (với M khác đa thức 0).

D. $\frac{A}{B} = \frac{A}{-B}$

Câu 12. Hàm số nào dưới đây là hàm số bậc nhất ?

A. $y = 2$

B. $y = 2x + 1$

C. $y = 1$

D. $y = 0x + 1$

Câu 13. Em hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô trống tương ứng trong bảng sau: (1,0 điểm)

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0		
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.		
c)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		
d)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		

Câu 14. Điền cụm từ sau vào chỗ trống (.....) để được khẳng định đúng. (1,0 điểm)

hình chữ nhật	hình vuông	hình thoi	hình thang cân	hình bình hành
---------------	------------	-----------	----------------	----------------

a) Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là

b) Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là

c) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là

d) Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là

TRƯỜNG TH – THCS THẮNG LỢI
TỔ: TOÁN – KHTN
Họ và tên:
Lớp: 8.....

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2024 – 2025
MÔN: TOÁN – LỚP 8
(Thời gian làm bài 90 phút)

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ 02
(Đề có 14 câu, in trong 02 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Thời gian làm bài 45 phút

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng từ câu 1 đến câu 12 (3,0 điểm).

Câu 1. Khai triển $9x^2 - 25y^2$ ta được

- A. $(9x-5y)^2$ B. $(3x+5y)(3x+5y)$ C. $(3x-25y)(3x+25y)$ D. $(3x-5y)(3x+5y)$

Câu 2. Phân biến của $-5xyz^2$ là

- A. $-2xyz^2$ B. $-xyz^2$ C. xyz D. xyz^2

Câu 3. Với đa thức $B \neq 0$, ta có

- A. $\frac{A}{B} = \frac{A+M}{B+M}$ (với M khác đa thức 0).
B. $\frac{A}{B} = \frac{A:N}{B:N}$ (với N là một nhân tử chung của A, B và $N \neq 0$).
C. $\frac{A}{B} = \frac{A-M}{B-M}$ (với M khác đa thức 0)
D. $\frac{A}{B} = \frac{A}{-B}$

Câu 4. Viết biểu thức $(x-3y)(x^2+3xy+9y^2)$ dưới dạng hiệu hai lập phương, ta được kết quả là

- A. $x^3-(3y)^3$ B. $x^3+(9y)^3$ C. $x^3+(3y)^3$ D. $x^3-(9y)^3$

Câu 5. Hàm số $y = ax + b$ là hàm số bậc nhất khi

- A. $a = 0$ B. $a \neq 0$ C. $a < 0$ D. $a > 0$

Câu 6. Hệ số của đơn thức $-xy^3z^2$ là

- A. 2 B. 6 C. -1 D. 1

Câu 7. Hàm số nào dưới đây là hàm số bậc nhất ?

- A. $y = 2x + 1$ B. $y = 2$ C. $y = 0x + 1$ D. $y = 1$

Câu 8. Cho hàm số $y = 3x - 1$, tại $x = 1$ thì giá trị của y là

- A. 3 B. 1 C. 4 D. 2

Câu 9. Bậc của đa thức $-3xyz^2 + 2xyz - 4x^2$ là

- A. 2 B. 3 C. 9 D. 4

Câu 10. Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị thì y gọi là

- A. hàm hằng B. hàm số của y C. hàm số của x D. hàm số của x và y

Câu 11. Đâu là đơn thức đã được thu gọn?

A. $-5xyzx$

B. $-2zxzy.y$

C. $-10xy$

D. $-6x^2y.x$

Câu 12. Phân thức $\frac{2}{x+1}$ bằng với phân thức nào dưới đây

A. $\frac{-6}{-3x+3}$

B. $\frac{-6}{-3x-3}$

C. $\frac{6}{3x-3}$

D. $\frac{6}{-3x-3}$

Câu 13. Em hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô trống tương ứng trong bảng sau: (1,0 điểm)

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		
b)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0		
c)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		
d)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.		

Câu 14. Điền cụm từ sau vào chỗ trống (.....) để được khẳng định đúng. (1,0 điểm)

hình chữ nhật	hình vuông	hình thoi	hình thang cân	hình bình hành
---------------	------------	-----------	----------------	----------------

a) Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là

b) Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là

c) Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là

d) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là

ĐỀ CHÍNH THỨC**ĐỀ 03**

(Đề có 14 câu, in trong 02 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Thời gian làm bài 45 phút

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng từ câu 1 đến câu 12 (3,0 điểm).

Câu 1. Bậc của đa thức $-3xyz^2 + 2xyz - 4x^2$ là

A. 9

B. 4

C. 3

D. 2

Câu 2. Hàm số nào dưới đây là hàm số bậc nhất ?A. $y = 1$ B. $y = 0x + 1$ C. $y = 2x + 1$ D. $y = 2$ **Câu 3.** Với đa thức $B \neq 0$, ta cóA. $\frac{A}{B} = \frac{A+M}{B+M}$ (với M khác đa thức 0).B. $\frac{A}{B} = \frac{A-M}{B-M}$ (với M khác đa thức 0)C. $\frac{A}{B} = \frac{A:N}{B:N}$ (với N là một nhân tử chung của A, B và $N \neq 0$).D. $\frac{A}{B} = \frac{A}{-B}$ **Câu 4.** Phân thức $\frac{2}{x+1}$ bằng với phân thức nào dưới đâyA. $\frac{-6}{-3x+3}$ B. $\frac{6}{-3x-3}$ C. $\frac{-6}{-3x-3}$ D. $\frac{6}{3x-3}$ **Câu 5.** Đây là đơn thức đã được thu gọn?A. $-6x^2y.x$ B. $-2zxzy.y$ C. $-10xy$ D. $-5xyzx$ **Câu 6.** Phân biến của $-5xyz^2$ làA. $-2xyz^2$ B. xyz C. xyz^2 D. $-xyz^2$ **Câu 7.** Cho hàm số $y = 3x - 1$, tại $x = 1$ thì giá trị của y là

A. 4

B. 2

C. 3

D. 1

Câu 8. Viết biểu thức $(x-3y)(x^2+3xy+9y^2)$ dưới dạng hiệu hai lập phương, ta được kết quả làA. $x^3+(3y)^3$ B. $x^3+(9y)^3$ C. $x^3-(9y)^3$ D. $x^3-(3y)^3$ **Câu 9.** Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị thì y gọi là

A. hàm số của x và y

B. hàm số của y

C. hàm số của x

D. hàm hằng

Câu 10. Hàm số $y = ax + b$ là hàm số bậc nhất khi

- A. $a > 0$ B. $a < 0$ C. $a \neq 0$ D. $a = 0$

Câu 11. Khai triển $9x^2 - 25y^2$ ta được

- A. $(3x+5y)(3x+5y)$ B. $(3x-5y)(3x+5y)$ C. $(3x-25y)(3x+25y)$ D. $(9x-5y)^2$

Câu 12. Hệ số của đơn thức $-xy^3z^2$ là

- A. 2 B. -1 C. 6 D. 1

Câu 13. Em hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô trống tương ứng trong bảng sau: (1,0 điểm)

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.		
c)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0		
d)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		

Câu 14. Điền cụm từ sau vào chỗ trống (.....) để được khẳng định đúng. (1,0 điểm)

hình chữ nhật	hình vuông	hình thoi	hình thang cân	hình bình hành
---------------	------------	-----------	----------------	----------------

a) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là

b) Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là

c) Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là

d) Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ 04
(Đề có 14 câu, in trong 02 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Thời gian làm bài 45 phút

Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng từ câu 1 đến câu 12 (3,0 điểm).

Câu 1. Phân thức $\frac{2}{x+1}$ bằng với phân thức nào dưới đây

A. $\frac{6}{3x-3}$

B. $\frac{6}{-3x-3}$

C. $\frac{-6}{-3x+3}$

D. $\frac{-6}{-3x-3}$

Câu 2. Khai triển $9x^2-25y^2$ ta được

A. $(9x-5y)^2$

B. $(3x+5y)(3x+5y)$

C. $(3x-5y)(3x+5y)$

D. $(3x-25y)(3x+25y)$

Câu 3. Cho hàm số $y = 3x - 1$, tại $x = 1$ thì giá trị của y là

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 4. Với đa thức $B \neq 0$, ta có

A. $\frac{A}{B} = \frac{A}{-B}$

B. $\frac{A}{B} = \frac{A+M}{B+M}$ (với M khác đa thức 0).

C. $\frac{A}{B} = \frac{A-M}{B-M}$ (với M khác đa thức 0)

D. $\frac{A}{B} = \frac{A:N}{B:N}$ (với N là một nhân tử chung của A, B và $N \neq 0$).

Câu 5. Hệ số của đơn thức $-xy^3z^2$ là

A. -1

B. 6

C. 1

D. 2

Câu 6. Bậc của đa thức $-3xyz^2 + 2xyz - 4x^2$ là

A. 9

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 7. Phân biến của $-5xyz^2$ là

A. xyz^2

B. $-xyz^2$

C. $-2xyz^2$

D. xyz

Câu 8. Hàm số $y = ax + b$ là hàm số bậc nhất khi

A. $a < 0$

B. $a = 0$

C. $a \neq 0$

D. $a > 0$

Câu 9. Đâu là đơn thức đã được thu gọn?

A. $-10xy$

B. $-6x^2y.x$

C. $-5xyzx$

D. $-2zxzy.y$

Câu 10. Khi x thay đổi mà y luôn nhận một giá trị thì y gọi là

A. hàm số của y

B. hàm số của x

C. hàm số của x và y

D. hàm hằng

Câu 11. Hàm số nào dưới đây là hàm số bậc nhất ?

- A. $y = 2$ B. $y = 2x + 1$ C. $y = 0x + 1$ D. $y = 1$

Câu 12. Viết biểu thức $(x-3y)(x^2+3xy+9y^2)$ dưới dạng hiệu hai lập phương, ta được kết quả là

- A. $x^3+(3y)^3$ B. $x^3-(9y)^3$ C. $x^3-(3y)^3$ D. $x^3+(9y)^3$

Câu 13. Em hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô trống tương ứng trong bảng sau: (1,0 điểm)

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.		
c)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0		
d)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		

Câu 14. Điền cụm từ sau vào chỗ trống (.....) để được khẳng định đúng. (1,0 điểm)

hình chữ nhật	hình vuông	hình thoi	hình thang cân	hình bình hành
---------------	------------	-----------	----------------	----------------

- a) Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là
- b) Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau là
- c) Hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là
- d) Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là

I/ TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) (Mỗi đáp án chọn đúng, HS được 0,25đ)

Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng từ câu 1 đến câu 12. (3,0điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đề gốc	C	B	D	B	C	C	B	A	D	B	A	D
Đề 01	B	D	A	C	B	A	A	C	A	A	A	B
Đề 02	D	D	B	A	B	C	A	D	D	A	C	B
Đề 03	B	C	C	C	C	C	B	D	D	C	B	B
Đề 04	D	C	B	D	A	D	A	C	A	D	B	C

Câu 13. Em hãy điền Đúng (Đ) hoặc Sai (S) vào ô trống tương ứng trong bảng sau: (1,0 điểm)

Đề gốc

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		S
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.	Đ	
c)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		S
d)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0	Đ	

Đề 01

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0	Đ	
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.	Đ	
c)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		S
d)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		S

Đề 02

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		S
b)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0	Đ	
c)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		S
d)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.	Đ	

Đề 03

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		S
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.	Đ	
c)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0	Đ	
d)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		S

Câu	Nội dung	Đáp án	
		Đúng	Sai
a)	Hình chóp tam giác đều có hai mặt đáy.		S
b)	Hình chóp tứ giác đều có bốn mặt bên.	Đ	
c)	Hình thang cân có độ dài hai cạnh bên lớn hơn 0.		
d)	Số đo tổng bốn góc của một tứ giác bằng 360^0		

23 (1,0 đ)	a		0,25
	b	Tứ giác ABNC có M là trung điểm của cả hai đường chéo BC và AN nên ABNC là hình bình hành. Do tam giác ABC cân tại A, có AM là trung tuyến nên AM cũng là đường cao, nên $AM \perp BC$ tại M. Hình bình hành ABNC có hai đường chéo AN và BC vuông góc với nhau nên ABNC là hình thoi.	0,25 0,25 0,25
24 (1,0 đ)		Với $y = 0$ ta có: $0 = (m - 2)x + 2$, suy ra $(m - 2)x = -2$ Do đó $x = \frac{-2}{m-2}$, ta được điểm $A(\frac{-2}{m-2}; 0)$ là giao điểm của đường thẳng d với trục Ox. Khi đó $OA = \frac{-2}{m-2}$ Với $x = 0$ thì $y = 2$, ta được điểm $B(0; 2)$ là giao điểm của đường thẳng d với trục Oy. Khi đó $OB = 2$. Do A nằm trên Ox và B nằm trên Oy nên tam giác OAB là tam giác vuông tại O. Do đó $S_{\Delta OAB} = \frac{1}{2} OA \cdot OB = \frac{1}{2} \cdot \frac{-2}{m-2} \cdot 2 = \frac{-2}{m-2}$ (đơn vị diện tích) Mà theo bài, diện tích của tam giác OAB bằng 2 nên $\frac{-2}{m-2} = 2$ Suy ra $\frac{-2}{m-2} = 2$ hoặc $\frac{-2}{m-2} = -2$ - Với $\frac{-2}{m-2} = 2$ ta có $2m - 4 = -2$ hay $2m = 2$, suy ra $m = 1$ (thỏa mãn); - Với $\frac{-2}{m-2} = -2$ ta có $-2m + 4 = -2$ hay $2m = 6$, suy ra $m = 3$ (thỏa mãn); Vậy $m \in \{1; 3\}$ thì đường thẳng d cùng với các trục Ox, Oy tạo thành tam giác có diện tích bằng 2.	0,25 0,25 0,25 0,25

(Lưu ý: Mọi cách giải khác nếu đúng, GV chấm vẫn cho điểm tối đa)

KonTum, ngày 12/12/2024

Người ra đề



Đồng Thị Hà

Duyệt của tổ CM



Đào Thị Minh Tuyền

Duyệt của nhà trường

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cung Thị Phương Lan

Người phản biện đề



Nguyễn Việt Hà